

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ THỌ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02 /2020/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 04 tháng 03 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Thông qua danh mục bổ sung các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải thu hồi đất; danh mục các dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận thực hiện; danh mục các dự án điều chỉnh, bổ sung tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đang còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP BẤT THƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Lâm nghiệp;

Xét Tờ trình số 595/TTr-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ; Báo cáo thẩm tra Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục bổ sung 33 dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải thu hồi đất; danh mục các dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10 héc ta, đất rừng sản xuất dưới 50 héc ta trên địa bàn tỉnh Phú Thọ với diện tích 72,20 héc ta (Trong đó: Diện tích đất trồng lúa 23,93 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 15,37 héc ta; diện tích các loại đất khác 32,90 héc ta), bao gồm:

- 12 dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 với diện tích 55,88 héc ta.

- 21 dự án sử dụng đất thông qua hình thức nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất (Thỏa thuận bồi thường) phải chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng sản xuất sang mục đích phi nông nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 20 Luật Lâm nghiệp năm 2017, với diện tích 16,32 héc ta.

Chi tiết từng huyện, thành, thị như sau:

- Thành phố Việt Trì 06 dự án với diện tích 4,91 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 2,91 héc ta, diện tích đất rừng sản xuất 0,47 héc ta và diện tích các loại đất khác 1,53 héc ta.

- Huyện Lâm Thao 05 dự án với diện tích 6,30 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 3,59 héc ta, diện tích đất rừng sản xuất 0,53 héc ta và diện tích các loại đất khác 2,18 héc ta.

- Huyện Phù Ninh 02 dự án với diện tích 0,46 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 0,41 héc ta và diện tích các loại đất khác 0,05 héc ta.

- Huyện Thanh Ba 02 dự án với diện tích 0,35 héc ta đất trồng lúa.

- Huyện Đoan Hùng 01 dự án với diện tích 0,25 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 0,16 héc ta và diện tích các loại đất khác 0,09 héc ta.

- Huyện Cẩm Khê 03 dự án với diện tích 0,88 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 0,65 héc ta và diện tích các loại đất khác 0,23 héc ta.

- Huyện Yên Lập 01 dự án với diện tích 0,17 héc ta đất trồng lúa.

- Huyện Tam Nông 01 dự án với diện tích 4,55 héc ta đất rừng sản xuất.

- Huyện Thanh Thủy 02 dự án với diện tích 22,05 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 3,70 héc ta và diện tích các loại đất khác 18,35 héc ta.

- Huyện Thanh Sơn 04 dự án với diện tích 23,35 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 10,78 héc ta, diện tích đất rừng sản xuất 4,44 héc ta và diện tích các loại đất khác 8,13 héc ta.

- Huyện Tân Sơn 05 dự án với diện tích 8,33 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 0,81 héc ta, diện tích đất rừng sản xuất 5,38 héc ta và diện tích các loại đất khác 2,14 héc ta.

- Huyện Hạ Hoà 01 dự án với diện tích 0,60 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 0,40 héc ta và diện tích các loại đất khác 0,20 héc ta.

(Chi tiết có biểu số 01 và 02 kèm theo)

Điều 2. Thông qua dự án điều chỉnh, bổ sung vị trí, diện tích đất tại các Nghị quyết đã được HĐND tỉnh thông qua đang còn hiệu lực:

Tổng số 05 dự án với diện tích **16,64** héc ta (Trong đó: Diện tích đất trồng lúa 9,91 héc ta, diện tích đất rừng sản xuất 2,50 héc ta và diện tích các loại đất khác 4,23 héc ta), cụ thể:

- Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017: 01 dự án với diện tích 0,50 héc ta (Trong đó: Diện tích đất trồng lúa 0,12 héc ta và diện tích các loại đất khác 0,38 héc ta).

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2019: 01 dự án với diện tích 6,30 héc ta (Trong đó: Diện tích đất trồng lúa 3,00 héc ta, diện tích đất rừng sản xuất 2,00 héc ta và diện tích các loại đất khác 1,30 héc ta).

- Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2019: 01 dự án với diện tích 4,72 héc ta (Trong đó: Diện tích đất trồng lúa 4,50 héc ta và diện tích các loại đất khác 0,22 héc ta).

- Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2019: 02 dự án với diện tích 5,12 héc ta (Trong đó: Diện tích đất trồng lúa 2,29 héc ta, diện tích đất rừng sản xuất 0,50 héc ta và diện tích các loại đất khác 2,33 héc ta).

(Chi tiết có biểu số 03 kèm theo)

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ, Khóa XVIII, Kỳ họp bất thường thông qua ngày 27 tháng 02 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 03 năm 2020. /.

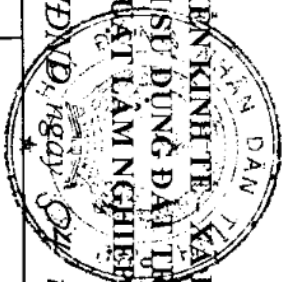
Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- UBND huyện, VPCP;
- Các Bộ: TN&MT; NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ TN&MT);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TAND, VKSND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- CVP, các PCVP;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- TT Công báo - Tin học (VP UBND tỉnh);
- Lưu: VT, TH (T.35.b).



TỔNG HỢP DANH MỤC BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG PHẢI THU HỒI ĐẤT; DANH MỤC CÁC DỰ ÁN PHẢI CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG SÂN XUẤT THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẤT ĐẠI NĂM 2013 VÀ LUẬT LÀM NGHIỆP NĂM 2017 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số: 02 /2020/NQ-HĐND, ngày 04 tháng 03 năm 2020 của HĐND tỉnh Phú Thọ)



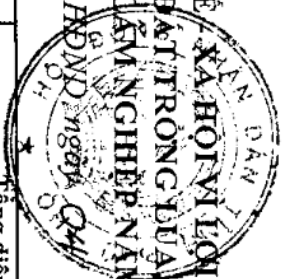
Biểu số 01

ST T	Huyện, thành, thị	Số dự án	Tổng số	Tổng diện tích dự kiến (ha)		
				Đất lúa	Đất RSX	Các loại đất khác
	Tổng cộng	33	72,20	23,93	15,37	32,90
1	Thành phố Việt Trì	6	4,91	2,91	0,47	1,53
2	Huyện Lâm Thao	5	6,30	3,59	0,53	2,18
3	Huyện Phú Ninh	2	0,46	0,41		0,05
4	Huyện Thanh Ba	2	0,35	0,35		
5	Huyện Đoan Hùng	1	0,25	0,16		0,09
6	Huyện Cẩm Khê	3	0,88	0,65		0,23
7	Huyện Yên Lập	1	0,17	0,17		
8	Huyện Tam Nông	1	4,55		4,55	
9	Huyện Thanh Thủy	2	22,05	3,70		18,35
10	Huyện Thanh Sơn	4	23,35	10,78	4,44	8,13
11	Huyện Tân Sơn	5	8,33	0,81	5,38	2,14
12	Huyện Hạ Hoà	1	0,60	0,40		0,20

DANH MỤC BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI MANG LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG PHẢI THU HỒI ĐẤT; DANH MỤC CÁC DỰ ÁN PHẢI CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG ĐU ĐÀ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013 VÀ LẬP LẤM NGHỆP NĂM 2017 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số: 02 /2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 03 năm 2020 của HĐND tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: Ha



STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Chủ Đầu tư	Tổng diện tích dự kiến (ha)					Căn cứ thực hiện dự án	
				Tổng số	Đất lúa	Đất RSX	Đất RPH	Đất RDD		Các loại đất khác
TỔNG CỘNG (33 dự án)				72,20	23,93	15,37	-	-	32,90	
A	DANH MỤC CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KTXH VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG THU HỒI ĐẤT THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013 (12 dự án)									
1	Thành phố Việt Trì			4,18	2,68	-	-	-	1,50	
1	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư	Khu hồ Hồ Khống, phường Thanh Miếu	UBND phường Thanh Miếu	1,20					1,20	Quyết định số 3469/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của UBND thành phố Việt Trì về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
2	Dự án xây dựng đường giao thông liên khu từ đôi Trầm Linh đi Đông xóm Đông Vàng đi xóm Mới khu 5	Xã Phương Lâu	UBND xã Phương Lâu	0,30	0,24				0,06	Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 25/10/2019 của UBND xã Phương Lâu về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
				0,24	0,24					
3	Dự án đầu tư xây dựng Chợ Minh Phương	Phường Minh Phương	Tổng Công ty thương mại và xây dựng Đông Bắc - Công ty TNHH	0,44	0,20				0,24	Văn bản số 1065/UBND-KTTH ngày 19/3/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Chợ Minh Phương, thành phố Việt Trì của Tổng Công ty thương mại và xây dựng Đông Bắc - Công ty TNHH
4	Dự án mở rộng Nghĩa trang An Thái	Phường Văn Phú	Ban Quản lý dự án thành phố Việt Trì	2,00	2,00					Văn bản số 2692/UBND-QLĐT ngày 02/10/2019 của UBND thành phố Việt Trì về việc lập Quy hoạch chi tiết mở rộng Nghĩa trang An Thái, phường Văn Phú (phục vụ di chuyển mộ mà giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Chủ Đầu tư	Tổng diện tích dự kiến (ha)					Căn cứ thực hiện dự án	
				Tổng số	Trong đó:					
					Đất lúa	Đất RSX	Đất RPH	Đất RDD		Các loại đất khác
II	Huyện Thanh Sơn			22,35	10,78	3,44	-	-	8,13	
5	Dự án khu dân cư mới xã Văn Miếu	Xã Văn Miếu	Trung tâm Phát triển quỹ đất tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất lựa chọn chủ đầu tư	20,00	9,44	3,44			7,12	Văn bản số 4177/UBND-KTN ngày 06/9/2019 của UBND tỉnh về việc nghiên cứu, khảo sát lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (Dự án đã có trong điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Thanh Sơn được UBND tỉnh phê duyệt)
6	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn	Khu Đồng Xe, xã Lương Nha (0,90 ha); khu Đình, xã Dịch Quả (0,40 ha); khu 8, xã Tát Thằng (0,41 ha)	UBND huyện Thanh Sơn	1,71	0,70				1,01	Các QĐ của UBND huyện Thanh Sơn v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết chia lô đất ở: số 6656/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 (Lương Nha); số 6657/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 (Dịch Quả); số 6658/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 (Tát Thằng);
7	Dự án xây dựng Trường mầm non Yên Sơn	Xã Yên Sơn	UBND xã Yên Sơn	0,64	0,64					Quyết định số 3757/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND huyện Thanh Sơn về phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Nhà điều hành-bếp trường Mầm non Yên Sơn, huyện Thanh Sơn
III	Huyện Thanh Thủy			21,67	3,35	-	-	-	18,32	
8	Dự án khu dân cư mới	Khu Trại Mít, xã Trung Thịnh (nay là xã Đồng Trung)	Sở Xây dựng tổ chức đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư	21,67	3,35				18,32	Quyết định số 3266/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Thanh Thủy duyệt QHCT tỷ lệ 1/500; Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục có sử dụng đất cần lựa chọn nhà đầu tư năm 2020 (đợt 1)
IV	Huyện Tân Sơn			7,46	0,56	4,78	-	-	2,12	
9	Dự án cầu vượt lũ tràn tại các xã Kiệt Sơn, Văn Lương, Đồng Sơn	Xã Kiệt Sơn, Văn Lương, Đồng Sơn	UBND huyện Tân Sơn	0,26		0,13			0,13	Quyết định số 5105/QĐ-UBND; Quyết định số 5110/QĐ-UBND; Quyết định số 5111/QĐ-UBND ngày 21/10/2019; UBND huyện
10	Dự án Cải tạo, nâng cấp nhà lớp học trường Trung học Mỹ Thuận 1 và các hạng mục phụ trợ	Xã Mỹ Thuận	UBND huyện Tân Sơn	0,05	0,03				0,02	Quyết định số 5108/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 UBND huyện

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Chủ Đầu tư	Tổng diện tích dự kiến (ha)				Căn cứ thực hiện dự án	
				Tổng số Đất/lúa	Đất RSX	Đất RPH	Đất RDD		Các loại đất khác
V	Huyện Phú Ninh			0,22	0,17	-	-	0,05	
12	Dự án bảo quản cấp thiết di tích khảo cổ xóm Rên, xã Gia Thanh, huyện Phú Ninh	Xã Gia Thanh, huyện Phú Ninh	UBND huyện Phú Ninh	0,22	0,17			0,05	Quyết định số 2879/QĐ-UBND ngày 07/11/2019 của UBND tỉnh Phú Thọ về chủ trương đầu tư dự án
B	DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THỎA THUẬN BỒI THƯỜNG THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 73 LUẬT ĐẤT ĐAI PHẢI CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT (21 dự án)			16,32	6,39	7,15	-	2,78	
I	Thành phố Việt Trì			0,73	0,23	0,47	-	0,03	
13	Dự án mở rộng Cửa hàng kinh doanh, bán buôn, bán lẻ xăng dầu và gas Quý Viên	Phường Văn Phú	Công ty TNHH Quý Viên	0,26	0,23			0,03	Văn bản số 5823/UBND-KTN ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư Dự án: Cửa hàng kinh doanh, bán buôn, bán lẻ xăng dầu và gas Quý Viên của Công ty TNHH Quý Viên
14	Dự án Trường Mầm non tư thực Hoa Trà	Khu 7, xã Thanh Định	Công ty TNHH MTV Phát triển giáo dục Hoa Trà	0,47		0,47			Quyết định chủ trương đầu tư số 3344/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh Phú Thọ
II	Huyện Cẩm Khê			0,88	0,65	-	-	0,23	
15	Dự án cửa hàng kinh doanh thương mại tổng hợp	Xã Phương Xã (nay là xã Minh Tân)	Công ty cổ phần thương mại Thịnh Minh Long	0,17	0,15			0,02	Quyết định chủ trương đầu tư số 3015/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 của UBND tỉnh



STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Chủ Đầu tư	Tổng diện tích dự kiến (ha)					Căn cứ thực hiện dự án	
				Tổng số	Trong đó:					
					Đất lúa	Đất RSX	Đất RPH	Đất RDD		Các loại đất khác
16	Dự án cửa hàng xăng dầu Phùng Xá	Xã Phùng Xá (nay là xã Minh Tân)	Công ty TNHH Đồng Điện	0,21	0,19				0,02	Quyết định chủ trương đầu tư số 3414/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh
17	Dự án xây dựng khu thương mại dịch vụ tổng hợp Quang Minh - Quý Lộc	Xã Phương Xá (nay là xã Minh Tân)	Công ty TNHH An Khánh CK	0,50	0,31				0,19	Quyết định chủ trương đầu tư số 3328/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh
III	Huyện Phù Ninh			0,24	0,24	-	-	-	-	
18	Dự án cửa hàng xăng dầu	Khu 4, xã An Đạo	Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Sông Hậu	0,24	0,24					Quyết định chủ trương đầu tư số 2160/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của UBND tỉnh
IV	Huyện Thanh Ba			0,35	0,35	-	-	-	-	
19	Dự án cơ sở gia công đồ gỗ nội thất Phạm Thư Hùng	Khu 4, thị trấn Thanh Ba	Công ty TNHH Hùng Thành Thanh Ba	0,10	0,10					Quyết định chủ trương đầu tư số 3006/QĐ-UBND ngày 20/11/2019 của UBND tỉnh
20	Dự án cửa hàng xăng dầu Thanh Hà	Khu 6, xã Thanh Hà	Công ty TNHH Đồng Xuân Phú Thọ	0,25	0,25					Quyết định chủ trương đầu tư số 2117/QĐ-UBND ngày 22/8/2019 của UBND tỉnh
V	Huyện Tân Sơn			0,87	0,25	0,60	-	-	0,02	
21	Dự án sản xuất bê tông và các sản phẩm bê tông từ xi măng và thạch cao	Khu Đồi Nộn, Xóm Lực, xã Mỹ Thuận	Công ty cổ phần xây dựng và thương mại T&Q	0,60	0,60					Quyết định chủ trương đầu tư số 2009/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của UBND tỉnh
22	Dự án cửa hàng kinh doanh bán lẻ xăng dầu	Khu Chiềng 2, xã Lai Đồng	Công ty TNHH An Bình Phú Thọ	0,27	0,25				0,02	Quyết định chủ trương đầu tư số 203/QĐ-UBND ngày 03/02/2020 của UBND tỉnh
VI	Huyện Yên Lập			0,17	0,17	-	-	-	-	
23	Dự án cửa hàng xăng dầu Xuân An	Khu Vượng, xã Xuân An	Công ty TNHH Tự Đức	0,17	0,17					Quyết định chủ trương đầu tư số 3415/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh
VII	Huyện Đoan Hùng			0,25	0,16	-	-	-	0,09	
24	Dự án cơ sở gia công đồ gỗ nội thất Hiền Nhung	Xã Yên Kiên và xã Sóc Đăng	Công ty TNHH ô tô Hiền Nhung	0,25	0,16				0,09	Quyết định chủ trương đầu tư số 178/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh
VIII	Huyện Thanh Sơn			1,00	-	1,00	-	-	-	
25	Dự án Nhà máy chế biến gỗ ván ép Tân Tiến	Khu Tam Sơn 1, xã Sơn Hùng	Công ty TNHH xây dựng Tân Tiến	1,00	1,00					Quyết định chủ trương đầu tư số 3502/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Chủ Đầu tư	Tổng diện tích dự kiến (ha)						Cơ sở thực hiện dự án
				Tổng số	Đất lúa	Đất RSX	Đất RPH	Đất RDD	Các loại đất khác	
IX	Huyện Lâm Thao			6,30	3,59	0,53	-	-	2,18	
26	Dự án đầu tư xây dựng trụ sở Ủy tin dùng nhân dân xã Tứ Xã	Khu 7 - xã Tứ Xã	Ủy tin dùng nhân dân xã Tứ Xã	0,15	0,02				0,13	QĐ chủ trương đầu tư số 3408/QĐ-UBND ngày 22/12/2019 của UBND tỉnh Phú Thọ
27	Dự án đầu tư xây dựng trung tâm thương mại tổng hợp	Xã Cao Xá	Cty TNHH TM tổng hợp Huyện Hải	1,50	0,16				1,34	QĐ chủ trương đầu tư số 37/QĐ-UBND ngày 07/01/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ
28	Dự án đầu tư xây dựng siêu thị vật liệu xây dựng và kho hàng hóa tổng hợp	Xã Cao Xá	Cty TNHH Thanh Long Phú Mỹ	2,50	2,50					QĐ chủ trương đầu tư số 54/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ
29	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất kinh doanh phân vi sinh	Khu 16 - xã Tiên Kiến	Cty cổ phần Trường Hưng Kinh Bắc	1,62	0,91				0,71	QĐ chủ trương đầu tư số 134/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ
30	Dự án đầu tư xây dựng Cơ sở chế biến Lâm sản	Khu Gò Cùn, xã Xuân Lũng	Cty TNHH Hai Hoài	0,53		0,53				QĐ chủ trương đầu tư số 163/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ
X	Huyện Tam Nông			4,55	-	4,55	-	-	-	
31	Dự án Nhà máy sản xuất gỗ ván ép và đồ gỗ nội thất cao cấp Quang Minh - Phú Thọ	Khu 1 - xã Hương Nôn	Công ty TNHH Quang Minh Phú Thọ	4,55		4,55				QĐ chủ trương đầu tư số 3408/QĐ-UBND ngày 22/12/2019 của UBND tỉnh Phú Thọ
XI	Huyện Hạ Hoà			0,60	0,40	-	-	-	0,20	
32	Dự án Trạm dịch vụ dừng nghỉ 98	Khu 6, xã V6 Tranh	Công ty TNHH trạm dùng nghỉ 98	0,60	0,40				0,20	QĐ chủ trương đầu tư số 272/QĐ-UBND ngày 13/02/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ
XII	Huyện Thanh Thủy			0,38	0,35	-	-	-	0,03	
33	Dự án Cửa hàng giới thiệu sản phẩm và kinh doanh vật liệu xây dựng Thành Đô	Khu Độc Muồng, xã Tu Vũ	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Đô Dung	0,38	0,35				0,03	QĐ chủ trương đầu tư số 273/QĐ-UBND ngày 13/02/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ



**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG MẶT TRÍ, DIỆN TÍCH ĐẤT THỰC HIỆN
TẠI CÁC NGHỊ QUYẾT ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÔNG QUA ĐANG CÒN HIỆU LỰC**

(Kèm theo Nghị quyết số: 02 /2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 03 năm 2020 của HĐND tỉnh Phú Thọ)

DVT: Ha

Biểu số 03

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Chủ Đầu tư	Tổng số	Trong đó					Căn cứ thực hiện dự án
					Đất lúa	Đất RPH	Đất RDD	Đất RSX	Các loại đất khác	
	TỔNG SỐ (05 dự án)			16,64	9,91	-	-	2,50	4,23	
I	Nghị quyết 08/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017			0,50	0,12				0,38	
1	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư	Khu đồng Cây, khu 8, xã Kim Đức	UBND xã Kim Đức	0,50	0,12				0,38	Nghị quyết 08/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 đã duyệt 0,5ha đất khác. Nay điều chỉnh loại đất 0,5ha (gồm: 0,12ha đất lúa và 0,38ha đất khác)
II	Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐND ngày 29/3/2019			6,30	3,00	-	-	2,00	1,30	
2	Dự án xây dựng mới hệ thống thoát nước thải cụm công nghiệp Bãi Ba Đông Thành	Các xã: Chí Tiến, Sơn Cương	Công ty TNHH xây dựng Tự Lập	6,30	3,00			2,00	1,30	Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐND ngày 29/3/2019 của HĐND tỉnh đã duyệt 0,7ha (gồm: 0,4ha đất lúa và 0,3ha đất khác). Nay bổ sung thêm 6,3ha (gồm: 3,0ha đất lúa, 2,0ha đất rừng sản xuất và 1,3ha đất khác). Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của UBND tỉnh
III	Nghị quyết 12/2019/NQ-HĐND ngày 14/11/2019			4,72	4,50				0,22	
3	Dự án xây dựng Trường THPT chuyên Hùng Vương	Phường Thanh Miếu và xã Trung Vương	Sở Giáo dục và Đào tạo	4,72	4,50				0,22	Nghị quyết 12/2019/NQ-HĐND ngày 14/11/2019 đã duyệt địa điểm tại phường Thanh Miếu. Nay điều chỉnh thành các phường: Thanh Miếu, Trung Vương
IV	Nghị quyết 21/2019/NQ-HĐND ngày 14/12/2019			5,12	2,29	-	-	0,50	2,33	
4	Dự án xử lý điểm đen tại từ Km104+700-Km105+500/QL32 tỉnh Phú Thọ đoạn quan địa bàn huyện Tân Sơn	Xã Mỹ Thuận, huyện Tân Sơn	Sở Giao thông Vận tải	0,70				0,50	0,20	Nghị quyết 21/2019/NQ-HĐND ngày 14/12/2019 đã duyệt 2,15ha đất khác tại huyện Thanh Sơn. Nay bổ sung 0,7ha tại xã Mỹ Thuận, huyện Tân Sơn (gồm: đất RSX 0,5ha, đất khác 0,2ha)
5	Dự án đường Trường Chinh (đoạn từ UBND xã Phương Lâu đến đê hữu Sông Lô)	Các xã: Phương Lâu, Hùng Lô	UBND thành phố Việt Trì	4,42	2,29				2,13	Nghị quyết 21/2019/NQ-HĐND ngày 14/12/2019 đã duyệt tên đường Trường Chinh (đoạn từ UBND xã Phương Lâu đến đê hữu Sông Lô). Nay điều chỉnh thành đường Trường Chinh (đoạn từ UBND xã Phương Lâu đến đê hữu Sông Lô)